

Số: 94/2026/QĐST-HNGĐ

Bắc Ninh, ngày 29 tháng 4 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC
ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – BẮC NINH

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hiếu.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Tất Bấy.

2. Ông Tạ Văn Doanh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Ông
Hoàng Trung Kiên – Kiểm sát viên

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6, điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 410/2025/TLST - HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2025.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1984. Có mặt.

Số căn cước: 024184007283.

- *Bị đơn:* anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1987. Có mặt.

Số căn cước: 024087026339.

Cùng nơi cư trú: Thôn P, xã L, tỉnh Bắc Ninh.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn Q thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Văn Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 10/12/2021 cho đến khi cháu Tuấn A trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác của Tòa án. Chị Nguyễn Thị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Chị N lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh Q có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của chị N.

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với mức 2.000.000 đồng/ 1 tháng kể từ tháng 5/2026 cho đến khi cháu Nguyễn Tuấn A trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác của Tòa án

2.4. Về tài sản chung và công nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004596 ngày 12/12/2025 tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 5 – Bắc Ninh.

Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2, Điều 357 và khoản 2, Điều 468- Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- Đường sự;
- VKSND khu vực 5 – Bắc Ninh;
- Phòng THADS khu vực 5 – Bắc Ninh;
- UBND xã Lục Ngạn, tỉnh Bắc Ninh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Hiếu

